

Số: 69 /TTr-UBND

Sính Phình, ngày 12 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Thẩm định Quy hoạch chung xã Sính Phình, tỉnh Điện Biên
Đến năm 2045**

Mã số thông tin quy hoạch:.....

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Văn bản số 6141/UBND-TH ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh Điện Biên V/v tổ chức lập, điều chỉnh Quy hoạch đô thị, nông thôn trên địa bàn tỉnh;

Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xã Sính Phình, tỉnh Điện Biên đến năm 2045.

I. QUÁ TRÌNH LẬP QUY HOẠCH

- Ngày 04/11/2025, UBND tỉnh Điện Biên ban hành Công văn số 6141/UBND-TH về việc tổ chức lập, điều chỉnh Quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Sau khi có văn bản đồng ý chủ trương tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh, UBND xã Sính Phình đã tổ chức lập nhiệm vụ Quy hoạch chung xã Sính Phình, tỉnh Điện Biên đến năm 2045 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 12/03/2026.

Sau khi nhiệm vụ Quy hoạch chung được phê duyệt, UBND xã Sính Phình đã tổ chức lập Quy hoạch chung xã Sính Phình, tỉnh Điện Biên đến năm 2045 theo quy định.

- Ngày 18/5/2026, Phòng Kinh tế xã đã tổ chức lấy ý kiến các thành viên UBND xã.

- Ngày 18/5/2026, UBND xã Sính Phình tổ chức hội nghị lấy ý kiến Ban thường vụ xã.

- Ngày 18/5/2026, UBND xã Sính Phình tổ chức hội nghị lấy ý kiến Ban chấp hành Đảng bộ xã.

- Ngày 28/4/2026, UBND xã Sính Phình đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến cộng đồng dân cư (có phiếu ý kiến dân cư kèm theo).

II. VIỆC LẤY Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

1. Lấy ý kiến tại xã Sính Phình:

Đối với việc lấy ý kiến tại xã Sính Phình, UBND xã Sính Phình đã tổ chức các hội nghị lấy ý kiến các cơ quan đơn vị trong xã (các mốc thời gian lấy ý kiến tại mục I của Tờ trình).

Đối với nội dung tiếp thu, giải trình thì tại hội nghị đã trực tiếp tham vấn ý kiến, phòng Kinh tế xã phối hợp với đơn vị tư vấn đã trực tiếp tiếp thu và giải trình các ý kiến tham gia.

Đối với việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư, cơ bản nhân dân nhất trí với nội dung đồ án quy hoạch và không có ý kiến tham gia và đã nhận được đầy đủ ý kiến cộng đồng dân cư tại cuộc họp lấy ý kiến nên đủ điều kiện thực hiện các bước tiếp theo theo ý b mục 7 Điều 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024.

2. Lấy ý kiến tham gia các Sở ban ngành và các đơn vị liên quan:

Ngày 19/5/2026, UBND xã Sính Phình ban hành văn bản số 694/UBND-KT v/v lấy ý kiến tham gia đối với đồ án Quy hoạch chung xã Sính Phình, tỉnh Điện Biên đến năm 2045.

Để đảm bảo tiến độ theo văn bản số 3227/UBND-TH ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh v/v đôn đốc, khẩn trương triển khai công tác tổ chức lập quy hoạch chung xã, phường. UBND xã Sính Phình sẽ tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia đồng thời với quá trình thẩm định. UBND xã Sính Phình cam kết phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn lập quy hoạch trong quá trình thẩm định để đảm bảo tiến độ đề ra theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

III. NỘI DUNG TRÌNH THẨM ĐỊNH

Sau khi hoàn thiện hồ sơ theo quy định, UBND xã Sính Phình đề nghị Sở Xây dựng thẩm định Quy hoạch chung xã Sính Phình, tỉnh Điện Biên đến năm 2045 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô diện tích lập quy hoạch

1.1. Phạm vi lập quy hoạch

- Quy hoạch chung xã Sính Phình, tỉnh Điện Biên đến năm 2045 bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Sính Phình.

- + Phía Bắc: giáp xã Sín Chải;
- + Phía Nam: giáp xã Nậm Nền, xã Tủa Chùa;
- + Phía Đông: giáp xã Sáng Nhè, xã Tủa Chùa;
- + Phía Tây: giáp xã Pa Ham.

1.2. Quy mô lập quy hoạch

Quy mô lập quy hoạch bao gồm tổng diện tích tự nhiên của xã Sính Phình là 17.430 ha; quy mô dân số hiện trạng khoảng 16.025 người.

1.3. Thời gian lập quy hoạch

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030.
- Giai đoạn dài hạn đến năm 2045.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

Cụ thể hóa định hướng của Quy hoạch tỉnh Điện Biên và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vào không gian phát triển xã Sính Phình.

Tổ chức hợp lý không gian trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn, vùng sản xuất nông – lâm nghiệp, khu vực dịch vụ, du lịch và bảo tồn cảnh quan.

Phát triển nông – lâm nghiệp theo hướng hàng hóa, ứng dụng khoa học kỹ thuật, gắn với các sản phẩm đặc trưng như chè Shan tuyết, khoai sọ, chăn nuôi, trồng rừng và sản phẩm OCOP.

Khai thác tiềm năng du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa gắn với cao nguyên đá Tả Phìn, rừng thông Trung Thu, Thành Vàng Lồng và bản sắc văn hóa các dân tộc.

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; ưu tiên giao thông liên xã, liên thôn, cấp điện, cấp nước, giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại dịch vụ.

Gắn phát triển kinh tế với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm và nâng cao đời sống Nhân dân.

Bảo vệ tài nguyên đất, nước, rừng, cảnh quan sinh thái; kiểm soát phát triển tại các khu vực có nguy cơ thiên tai, sạt lở, lũ quét.

Giữ vững quốc phòng – an ninh, ổn định dân cư, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc và nâng cao hiệu quả quản lý sau sáp nhập.

3. Tính chất, chức năng, vai trò

3.1. Tính chất

Xã Sính Phình là khu vực phát triển nông – lâm nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch và sinh thái;

Là khu vực có tiềm năng trở thành trung tâm phát triển của vùng, đang từng bước chuyển dịch cơ cấu theo hướng bền vững từ nông lâm nghiệp sang phát triển tiểu thủ công nghiệp và du lịch thương mại dịch vụ làm trọng tâm.

3.2. Chức năng và vai trò

Xã Sính Phình giữ vai trò là khu vực phát triển nông - lâm nghiệp hàng hóa gắn với chế biến, đồng thời là không gian du lịch sinh thái - cộng đồng - văn hóa đặc trưng vùng cao của tỉnh Điện Biên.

Khu vực có chức năng bảo tồn cảnh quan tự nhiên, hệ sinh thái rừng và bản sắc văn hóa các dân tộc, kết hợp khai thác hợp lý tiềm năng du lịch cao nguyên đá Tả Phìn, góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch của tỉnh.

Đồng thời, xã Sính Phình là địa bàn ổn định dân cư, bảo đảm an sinh xã hội và quốc phòng - an ninh khu vực miền núi, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

Nội dung	Chỉ tiêu
I. Chỉ tiêu các loại đất	
1. Đất ở	- Chỉ tiêu sử dụng đất: $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$. - Đối với hộ nông nghiệp: $\leq 400 \text{ m}^2/\text{hộ}$. - Đối với hộ phi nông nghiệp: $\geq 120 \text{ m}^2/\text{hộ}$.
2. Cây xanh công cộng	- Chỉ tiêu sử dụng đất: $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$
II. Chỉ tiêu hạ tầng xã hội	
1. Công sở cấp xã	- Diện tích đất xây dựng: $\geq 1.000 \text{ m}^2$. - Trụ sở được xây dựng tối đa 3 tầng. - Mật độ xây dựng tối đa 40%.
2. Nhà trẻ, trường mầm non	- Bán kính phục vụ: $\leq 2 \text{ km}$. - Mật độ xây dựng tối đa 40%. - Diện tích đất xây dựng: $\geq 12 \text{ m}^2/\text{học sinh}$. - Quy mô lớp ≥ 20 trẻ nhà trẻ/nhóm lớp; ≥ 25 trẻ mẫu giáo/ lớp. Trường hợp có 12 cháu/1 độ tuổi thì ghép lớp.
3. Trường tiểu học	- Bán kính phục vụ: $\leq 2 \text{ km}$. - Mật độ xây dựng tối đa 40%. - Diện tích đất xây dựng: $\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$. - Quy mô lớp: không quá 35 học sinh/lớp.
4. Trường THCS	- Mật độ xây dựng tối đa 40%. - Diện tích đất xây dựng: $\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$. - Quy mô trường: ≤ 45 lớp/trường - Quy mô lớp: không quá 45 học sinh/lớp.
5. Trường THPT	- Mật độ xây dựng tối đa 40%.

Nội dung	Chỉ tiêu
	- Diện tích đất xây dựng: $\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$. - Quy mô trường: $\leq 45 \text{ lớp/trường}$ - Quy mô lớp: không quá 45 học sinh/lớp.
6. Trạm y tế xã	- Diện tích đất: + Không có vườn thuốc: $\geq 500 \text{ m}^2$ + Có vườn thuốc: $\geq 1.000 \text{ m}^2$ - Mật độ xây dựng tối đa 40%.
7. Trung tâm văn hóa - thể thao	- Diện tích nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng: $\geq 200 \text{ m}^2$ - Diện tích Khu thể thao (chưa tính sân vận động): $\geq 500 \text{ m}^2$ - Diện tích Nhà văn hóa thôn bản: $\geq 100 \text{ m}^2$ - Diện tích điểm vui chơi, giải trí và thể thao: $\geq 200 \text{ m}^2/\text{điểm}$
8. Chợ	- Quy mô diện tích: Từ 2000 m^2 đến $3000 \text{ m}^2/\text{chợ}$ - Diện tích đất XD: $\geq 12 \text{ m}^2/\text{điểm kinh doanh}$ - Mật độ xây dựng tối đa 40%.
9. Điểm phục vụ bưu chính viễn thông	- Mỗi xã phải có ít nhất một điểm phục vụ bưu chính viễn thông, bán kính phục vụ $\leq 3 \text{ km}$. - Diện tích đất xây dựng: $\geq 150 \text{ m}^2/\text{điểm}$
III. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật	
1. Nghĩa trang nhân dân	- Quy mô diện tích các nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu là $0,04 \text{ ha}/1.000 \text{ dân}$ - Tuân thủ QCVN 01:2021/BXD.
2. Khu xử lý chất thải rắn	- Diện tích khu chôn lấp chất thải từ $0,3 \text{ ha}$ đến $0,5 \text{ ha}/\text{khu}$. - Các điểm thu gom tại các thôn bản: $\leq 100 \text{ m}$. - Khoảng cách ly vệ sinh: Đến ranh giới khu dân cư: $\geq 1000 \text{ m}$.
3. Giao thông	- Đường trục xã, đường từ xã đến thôn, xóm: + Chiều rộng phần xe chạy dành cho cơ giới: $\geq 3,5 \text{ m}/\text{làn xe}$ + Chiều rộng lề và lề gia cố: $\geq 1,0 \text{ m}$ + Chiều rộng mặt cắt ngang đường: $\geq 5 \text{ m}$ - Đường thôn xóm, đường trục chính nội đồng: + Chiều rộng mặt đường: $\geq 3,0 \text{ m}$
4. Cấp điện	- Chỉ tiêu cấp điện: + Điện sinh hoạt: $\geq 3 \text{ kW}/\text{hộ}$. + Điện trường học: Trường THCS, TH: $\geq 0,15 \text{ KW}/\text{học sinh}$; Nhà trẻ mẫu giáo: $\geq 0,2 \text{ KW}/\text{cháu}$. + Điện di tích, tôn giáo, tín ngưỡng: $\geq 50 \text{ KW}/\text{ha}$.
5. Cấp nước	+ Có trang thiết bị vệ sinh và mạng lưới đường ống: $\geq 80 \text{ lít}/\text{người}/\text{ngày}$ + Có đường ống và vòi nước dẫn đến hộ gia đình: $\geq 60 \text{ lít}/\text{người}/\text{ngày}$ + Sử dụng vòi nước công cộng: $\geq 40 \text{ lít}/\text{người}/\text{ngày}$. + Tỷ lệ số dân được cấp nước: $\geq 90\%$. + Nước dịch vụ: $\geq 10\%$ nước sinh hoạt. + Nước cấp cho trường học: $\geq 20 \text{ l}/\text{cháu.ngđ}$. + Nước tưới cây: $\geq 3 \text{ l}/\text{m}^2.\text{ngđ}$. + Nước tưới đường: $\geq 0,5 \text{ l}/\text{m}^2.\text{ngđ}$.
6. Thoát nước	- Phải có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, nước mưa

Nội dung	Chỉ tiêu
	- Thu gom được $\geq 80\%$ lượng nước cấp

5. Các nội dung chính của quy hoạch

5.1. Phân vùng phát triển:

a. *Tiểu vùng I: Tiểu vùng phía Đông Nam*

- Vị trí: Nằm phía Đông Nam của xã
- Quy mô: khoảng 4.182ha.
- Chức năng:
 - + Là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế - văn hóa - xã hội của xã Sính Phình, nơi tập trung các công trình công cộng cấp xã, dịch vụ tổng hợp và các hoạt động sinh hoạt cộng đồng.
 - + Đóng vai trò động lực lan tỏa phát triển, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường liên kết nội vùng và liên kết với các khu vực lân cận thông qua các trục giao thông chính.
 - + Là khu vực phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao (Chè Shan tuyết và cây Cà phê).
- Định hướng phát triển:
 - + Tổ chức không gian trung tâm xã theo hướng đồng bộ, hiện đại; nâng cấp và xây dựng mới hệ thống công trình hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ, tạo diện mạo kiến trúc - cảnh quan đặc trưng cho trung tâm xã.
 - + Định hướng làng nghề, chăm sóc và chế biến chè cổ thụ Shan tuyết kết hợp du lịch. Sản xuất hàng hoá, chế biến sâu và xây dựng thương hiệu.
 - + Phát triển nông - lâm nghiệp theo hướng hàng hóa, bền vững, thích ứng với điều kiện tự nhiên, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

b. *Tiểu vùng II: Khu vực phát triển điện mặt trời và nông lâm nghiệp kết hợp du lịch trọng tâm của xã.*

- Vị trí: Nằm ở phía Đông Bắc của xã.
- Quy mô: khoảng 6.310ha.
- Chức năng:
 - + Là khu vực phát triển 1 phần dự án điện năng lượng mặt trời của xã.
 - + Là khu vực phát triển du lịch trọng điểm của xã, bao gồm du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và di tích (thành Vàng Lồng).
 - + Là khu vực chăn nuôi theo mô hình sinh thái vùng cao.
 - + Là không gian sinh thái và bảo vệ tài nguyên rừng, góp phần duy trì cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường tự nhiên và cảnh quan.
- Định hướng phát triển:

+ Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng du lịch (giao thông, bến bãi, điểm dừng chân, không gian công cộng), bảo đảm kết nối thuận lợi với các khu dân cư và các tiểu vùng khác trong xã.

+ Chăn nuôi đại gia súc tập trung gắn với phát triển đồng cỏ và vùng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.

+ Là không gian sinh thái và bảo vệ tài nguyên rừng, góp phần duy trì cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường tự nhiên và cảnh quan.

+ Bảo vệ tài nguyên rừng, góp phần duy trì cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường tự nhiên và cảnh quan.

c. Tiểu vùng III: Khu vực phát triển khai thác năng lượng thủy điện - điện mặt trời và nông lâm nghiệp kết hợp du lịch sinh thái và trải nghiệm của xã.

- Vị trí: Nằm phía Tây Nam của xã.

- Quy mô: khoảng 6.938ha.

- Chức năng:

+ Là khu vực phát triển, khai thác thủy điện (nhỏ) và 1 phần dự án điện năng lượng mặt trời của xã.

+ Là khu vực chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao.

+ Là vùng phát triển nông - lâm nghiệp công nghệ cao của xã, giữ vai trò chủ đạo trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và cung cấp sinh kế ổn định cho khu vực nông thôn.

+ Là không gian sinh thái và bảo vệ tài nguyên rừng, góp phần duy trì cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường tự nhiên và cảnh quan.

+ Là khu vực phát triển chăn nuôi tập trung và công nghiệp năng lượng, hỗ trợ cho phát triển kinh tế chung của xã.

- Định hướng phát triển:

+ Phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm dựa trên địa hình và tài nguyên thiên nhiên sẵn có (rừng Thông Trung Thu).

+ Phát triển nông - lâm nghiệp bền vững, thích ứng với điều kiện tự nhiên; ưu tiên nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, gắn với trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng.

+ Phát triển chăn nuôi tập trung, theo hướng chăn nuôi công nghiệp, áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm.

5.2. Định hướng phát triển không gian

a. Định hướng phát triển không gian

1.1. Định hướng khu trung tâm xã

Trung tâm xã được xác định là hạt nhân phát triển, đóng vai trò là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa và dịch vụ công cộng của toàn xã. Trung tâm được bố trí tại tiểu vùng I, nằm trên trục đường tỉnh 140 có điều kiện thuận lợi về kết nối giao thông và phát triển không gian.

Không gian trung tâm được tổ chức đồng bộ, bao gồm các công trình hành chính (Đảng ủy, HĐND, UBND xã), các công trình công cộng như trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, công trình thương mại - dịch vụ, thể dục thể thao và hệ thống cây xanh, không gian mở phục vụ cộng đồng. Các công trình được bố trí hợp lý, đảm bảo bán kính phục vụ, thuận tiện tiếp cận từ các khu dân cư.

Diện tích khoảng 105 ha, nằm tại khu vực thôn Tà Là Cáo có tuyến đường tỉnh lộ 140 đi qua, với khu vực có nguồn dự địa lớn và địa hình tương đối bằng phẳng thuận tiện cho việc san gạt lấy mặt bằng xây dựng. Vị trí thuận lợi và dễ dàng kết nối với xã Tủa Chùa và Sáng Nhè.

+ Quy hoạch Khu trung tâm hành chính, chính trị gồm: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Hội trường chung, Quảng trường các khối phụ trợ. Diện tích 3,7 ha.

+ Quy hoạch Trụ sở công an xã: Diện tích 1,0 ha.

+ Quy hoạch Trụ sở Ban chỉ huy quân sự. Diện tích 0,56 ha.

+ Quy hoạch Nhà văn hóa xã. Diện tích 1,8 ha.

+ Sân động xã hiện trạng. Diện tích 2,0 ha

+ Quy hoạch Chợ xã. Diện tích 2,0 ha.

+ Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (cây Xăng). Diện tích 0,67 ha.

+ Quy hoạch đất thương mại dịch vụ du lịch. Diện tích 2,0 ha.

+ Quy hoạch đất ở mới. Diện tích 15,7 ha.

Phát triển khu trung tâm xã theo hướng tập trung, tiết kiệm quỹ đất, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kiến trúc hài hòa với cảnh quan tự nhiên, ưu tiên bố trí không gian xanh, điểm nhấn cảnh quan và các dịch vụ thiết yếu, góp phần nâng cao chất lượng sống của Nhân dân và tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Định hướng cải tạo các khu dân cư hiện hữu

Các khu dân cư hiện trạng khi cải tạo, xây dựng mới phải tuân thủ lộ giới quy hoạch, không lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, hành lang bảo vệ suối và các khu vực có nguy cơ thiên tai, lũ quét, sạt lở.

Hạn chế phát triển dân cư phân tán, rải rác theo địa hình; không tiếp tục chia lô, xây dựng nhà ở bóm dọc hai bên tuyến đường.

Các khu dân cư mới cần được quy hoạch tập trung thành cụm, có đường đầu nối phù hợp với hệ thống giao thông chính, bảo đảm an toàn giao thông, cảnh quan, môi trường và có quỹ đất dự phòng để đầu tư hạ tầng, tạo tiền đề phát triển đô thị trong tương lai.

b. Định hướng tổ chức không gian các khu chức năng

2.1. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội

- Trung tâm hành chính

+ Xây dựng mới các công trình trụ sở hành chính tập trung tại khu trung tâm xã theo định hướng quy hoạch.

+ Trụ sở hành chính xã hiện trạng được chuyển đổi sang các chức năng phù hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng và phát triển không gian công cộng – dịch vụ của địa phương

+ Chinh trang, cải tạo các trụ sở có định hướng chuyển đổi chức năng, bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống cơ quan, đơn vị. Nâng cao chất lượng phục vụ thông qua ứng dụng công nghệ mới, hoàn thiện hệ thống tiện nghi và cảnh quan công trình.

- Giáo dục

+ Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở tất cả các cấp học đảm bảo bền vững, thực chất. Duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng, hiệu quả phổ cập giáo dục - xóa mù chữ.

+ Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn về nghề nghiệp, hợp lý về cơ cấu. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, tập trung mọi nguồn lực xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

+ Hệ thống giáo dục cơ bản giữ nguyên theo hiện trạng phát triển của xã. Ngoài ra, đề xuất điều chỉnh, bổ sung mở rộng diện tích một số trường học cho phù hợp với thực tế hiện nay.

+ Các điểm trường tiểu học ở các bản chuyển đổi sang đất công cộng cho phù hợp với điều kiện thực tế của bản để phục vụ nhu cầu của người dân.

- Y tế

+ Định hướng giữ nguyên vị trí tại thôn Háng Đê Dê. Từng bước hiện đại hóa, nâng cấp cơ sở vật chất cũng như cũng như phòng, khám chữa bệnh với đầy đủ tiện nghi và hiện đại hơn.

+ Thực hiện tốt công tác đào tạo, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật từ các trường, các bệnh viện tuyến trên.

+ Coi trọng công tác y tế là một trong các giải pháp quan trọng phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Văn hoá, thể dục thể thao

+ Tập trung xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa cơ sở, tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, thông tin truyền thông phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã và phục vụ cho phát triển du lịch.

2.2. Định hướng phát triển an ninh, quốc phòng

+ Trong tổng thể phát triển không gian và kinh tế - xã hội, xã Sính Phình xác định nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh là yêu cầu xuyên suốt, gắn chặt với quá trình phát triển bền vững, ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Quy hoạch hướng tới xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc, đồng thời tăng cường năng lực phòng thủ khu vực, chủ động

ứng phó với các tình huống thiên tai, sự cố và yêu cầu bảo vệ địa bàn trong bối cảnh phát triển mới.

2.3. Định hướng phát triển du lịch

+ Bố trí các khu du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với cảnh quan tự nhiên đồi núi, không gian Thành Vàng Lồng, cao nguyên đá cổ Tả Phìn, rừng Thông Trung Thu, cánh đồng Chớ tít; tổ chức các điểm dịch vụ hỗ trợ du lịch, lưu trú, trải nghiệm văn hóa bản địa.

+ Phát huy các khu vực có điều kiện về độ cao để tạo lợi thế về phát triển du lịch, tạo các điểm check-in, các điểm dừng chân phục vụ du khách.

+ Giữ gìn và phát huy các giá trị cảnh quan, bản sắc xã - cần bảo vệ bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái có tác động trực tiếp và gián tiếp đến không gian xã như (cảnh quan mặt nước; hành lang xanh, nông lâm nghiệp...).

+ Đảm bảo tuân thủ quy định quản lý hoạt động du lịch của tỉnh Điện Biên đảm bảo các lợi ích của cộng đồng trong quá trình khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng du lịch về cảnh quan văn hóa của xã Sính Phình.

+ Để bảo vệ không gian và không phá vỡ cảnh quan, mật độ xây dựng trong điểm du lịch cộng đồng nên được quy định cụ thể tại đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng. Chiều cao công trình đảm bảo không phá vỡ tổng thể kiến trúc, làm giảm giá trị thẩm mỹ và cảm giác hài hòa của khu vực.

+ Giữ gìn các điều kiện tự nhiên của xã để phát triển du lịch tránh làm ảnh hưởng làm tác động trực tiếp đến môi trường để thúc đẩy phát triển du lịch.

2.4. Định hướng phát triển thương mại

+ Định hướng phát triển thương mại – dịch vụ trên địa bàn xã Sính Phình được tổ chức theo hướng tập trung, gắn với các trục giao thông chính và khu vực trung tâm xã, nhằm phục vụ nhu cầu dân sinh, thúc đẩy giao thương hàng hóa và phát triển kinh tế địa phương.

+ Khu vực chợ trung tâm xã được bố trí kết hợp với khu trung tâm hành chính – chính trị, hình thành hạt nhân phát triển tổng hợp của toàn xã. Việc bố trí này nhằm:

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận đồng thời các dịch vụ hành chính và hoạt động thương mại.

+ Tăng cường tính sôi động, thu hút các hoạt động giao thương, dịch vụ.

+ Hình thành không gian trung tâm đồng bộ, gắn kết giữa chức năng hành chính, văn hóa và thương mại.

+ Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình, tiêu thụ sản phẩm nông – lâm nghiệp địa phương.

2.5. Định hướng phát triển nông, lâm nghiệp

+ Căn cứ vào kết quả điều tra, khảo sát, kết quả nghiên cứu các tài liệu về khí hậu, thủy văn của từng khu vực để điều chỉnh các vùng sản xuất nông nghiệp

xã Sinh Phình phù hợp với đặc điểm sinh thái nông nghiệp của từng tiểu vùng, giúp cho việc bố trí quy hoạch cây trồng, vật nuôi có tính khả thi cao, nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo vệ tài nguyên trong tương lai; Trong mỗi tiểu vùng, cần xác định được các mô hình phát triển sản xuất tối ưu nhất cho từng loại cây trồng, vật nuôi chủ lực:

- Định hướng phát triển vùng sản xuất chè Shan tuyết
- Định hướng phát triển vùng sản xuất Mắc ca;
- Định hướng phát triển vùng trồng Cà phê;
- Định hướng phát triển vùng trồng Ngô;
- Định hướng vùng sản phẩm lâm nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp các loại hình du lịch sinh thái.

+ Tiếp tục có cơ chế chính sách phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn phát triển sản xuất, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào địa phương. Tạo điều kiện cho các Hợp tác xã phát triển, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, sản phẩm nông sản của nhân dân bảo đảm có thương hiệu (OCOP). Phát triển nghề phụ tại địa phương, đa dạng các ngành nghề, tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho người lao động.

+ Cây trồng chính của xã trong giai đoạn từ nay đến 2030 vẫn tập trung vào sản xuất lương thực làm trọng tâm, chú trọng chuyển đổi cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao như: Cà phê, chè Shan tuyết, Mắc ca, Ngô.....

+ Tiếp tục phát triển rừng trên các diện tích hiện có, đào tạo chuyển giao công nghệ cho nhân dân về kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo vệ và khai thác rừng khoa học, hiệu quả. Có cơ chế chính sách đảm bảo việc thu mua của các cơ sở sản xuất, chế biến và quyền lợi của nhân dân trong việc trồng và chăm sóc rừng. Sử dụng các giống cây lâm nghiệp có năng suất cao, sinh khối lớn, đầu tư thâm canh trong trồng rừng để tăng giá trị sản xuất trên diện tích rừng hiện trạng. Phát huy thế mạnh về đất vườn đồi để phát triển cây lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây đặc sản theo hướng chính là quy hoạch, chuyển đổi cây trồng có giá trị cao (Cà phê, Mắc ca...). Tăng cường các biện pháp quản lý, trồng và bảo vệ rừng.

2.6. Định hướng phát triển tiểu thủ công nghiệp, chăn nuôi tập trung

+ Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, an toàn sinh học, từng bước chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi hàng hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế.

+ Quy hoạch 02 khu vực chăn nuôi tập trung tại phía Tây Nam và Đông Bắc của xã, là khu vực có quỹ đất phù hợp, xa khu dân cư và nằm ở vùng hạ lưu (cuối nguồn nước), thuận lợi cho việc kiểm soát môi trường.

+ Việc bố trí tại phía Nam nhằm hạn chế ảnh hưởng của nước thải, chất thải chăn nuôi đến khu dân cư và khu vực trung tâm xã ở phía thượng lưu, bảo đảm an toàn nguồn nước sinh hoạt và sản xuất.

+ Tổ chức hệ thống chuồng trại hợp vệ sinh, có giải pháp xử lý chất thải (hầm biogas, ủ phân hữu cơ...), bảo đảm tiêu chuẩn môi trường.

+ Khuyến khích phát triển mô hình chăn nuôi kết hợp (nông – lâm – chăn nuôi), góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phát triển bền vững.

+ Bảo đảm khoảng cách ly vệ sinh giữa khu chăn nuôi với khu dân cư, nguồn nước và các công trình công cộng theo quy định hiện hành.

2.7. Định hướng phát triển công nghiệp

Sau năm 2030, Quy hoạch cụm công nghiệp 5.0 ha tại bản Tào Pao với chức năng chế biến nông, lâm, thủy sản.

Tiếp tục khai thác hợp lý tiềm năng thủy điện nhỏ trên địa bàn và năng lượng sạch điện mặt trời (nhà máy Thủy điện Trung Thu, Đề Bâu). Việc phát triển các công trình năng lượng cần gắn với yêu cầu bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, nguồn nước và hạn chế tác động đến đời sống dân cư.

c. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất quy hoạch chung xã Sính Phình, tỉnh Điện Biên đến năm 2045 được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2035 – 2045

TT	Loại đất	Hiện trạng năm 2025		Quy hoạch năm 2030		Quy hoạch năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích	17.429,52	100,00	17.429,52	100,00	17.429,52	100,00
I	Nhóm đất nông nghiệp	16.723,06	95,947	15.782,56	90,551	15.737,97	90,295
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	8.714,96	50,001	7.101,96	40,747	7.057,37	40,491
	Đất trồng lúa	1.653,77	9,488	1.061,00	6,087	1.031,46	5,918
	Đất trồng trọt khác	7.061,19	40,513	6.040,96	34,659	6.025,91	34,573
1.2	Đất lâm nghiệp	8.004,89	45,927	8.677,39	49,786	8.677,39	49,786
	Đất rừng đặc dụng		0,000		0,000		0,000
	Đất rừng phòng hộ	5.165,59	29,637	5.465,95	31,360	5.465,95	31,360
	Đất rừng sản xuất	2.839,30	16,290	3.211,44	18,425	3.211,44	18,425

TT	Loại đất	Hiện trạng năm 2025		Quy hoạch năm 2030		Quy hoạch năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	3,21	0,018	3,21	0,018	3,21	0,018
1.4	Đất nông nghiệp khác		0,000		0,000		0,000
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	312,33	1,792	1.405,44	8,064	1.463,54	8,397
2.1	Đất đơn vị ở hoặc khu dân cư	97,99	0,562	201,60	1,157	255,72	1,467
2.2	Đất công cộng	9,14	0,052	30,20	0,173	30,20	0,173
	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,43	0,002	4,13	0,024	4,13	0,024
	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,85	0,005	1,52	0,009	1,52	0,009
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	7,77	0,045	10,23	0,059	10,23	0,059
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,09	0,001	5,63	0,032	5,63	0,032
	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối		0,000	2,48	0,014	2,48	0,014
	Đất thương mại, dịch vụ		0,000	6,21	0,036	6,21	0,036

TT	Loại đất	Hiện trạng năm 2025		Quy hoạch năm 2030		Quy hoạch năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	vụ						
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,83	0,005	6,50	0,037	6,50	0,037
	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao		0,000	4,31	0,025	4,31	0,025
	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	0,83	0,005	2,19	0,013	2,19	0,013
2.4	Đất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp và làng nghề	0,97	0,006	8,04	0,046	8,85	0,051
	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp		0,000	5,00	0,029	5,00	0,029
	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	0,83	0,005	1,82	0,010	2,63	0,015
	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,14	0,001	1,22	0,007	1,22	0,007
2.5	Đất hạ tầng kỹ	202,88	1,164	1.127,93	6,471	1.131,11	6,490

TT	Loại đất	Hiện trạng năm 2025		Quy hoạch năm 2030		Quy hoạch năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	thuật						
	<i>Đất công trình giao thông</i>	171,70	0,985	263,35	1,511	263,35	1,511
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	23,97	0,138	831,39	4,770	831,39	4,770
	<i>Đất xử lý chất thải rắn</i>		0,000	1,50	0,009	1,50	0,009
	<i>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</i>	2,05	0,012	5,24	0,030	8,41	0,048
	<i>Đất công trình thủy lợi</i>	5,06	0,029	25,34	0,145	25,34	0,145
	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật khác</i>	0,10	0,001	1,12	0,006	1,12	0,006
2.6	Đất quốc phòng, an ninh	0,18	0,001	9,47	0,054	9,47	0,054
	<i>Đất quốc phòng</i>		0,000	8,20	0,047	8,20	0,047
	<i>Đất an ninh</i>	0,18	0,001	1,27	0,007	1,27	0,007
2.7	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	0,36	0,002	21,70	0,125	21,70	0,125
3,00	Đất khác	394,13	2,261	241,52	1,386	228,01	1,308

TT	Loại đất	Hiện trạng năm 2025		Quy hoạch năm 2030		Quy hoạch năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	164,21	0,942	146,57	0,841	138,68	0,796
3.2	Đất chưa sử dụng	229,92	1,319	94,95	0,545	89,33	0,513

d. Định hướng kiến trúc cảnh quan

Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan xã Sính Phình theo cấu trúc: trung tâm xã – các trục giao thông chính đường tỉnh 140 – khu dân cư bản làng – vùng sản xuất nông lâm nghiệp – không gian sinh thái rừng, suối, mặt nước.

Khu trung tâm xã là không gian hành chính, chính trị, văn hóa, giáo dục và thương mại dịch vụ; cần xây dựng đồng bộ, khang trang, kiểm soát mật độ xây dựng, tầng cao, khoảng lùi, cốt nền, cây xanh và hình thức kiến trúc.

Các khu dân cư hiện hữu và phát triển mới cần bố trí phù hợp với địa hình, ưu tiên chỉnh trang bản làng hiện có; hạn chế xây dựng tự phát dọc đường, ven suối, trên sườn dốc và khu vực có nguy cơ sạt lở, lũ quét.

Kiến trúc nhà ở nông thôn khuyến khích phát triển thấp tầng, có sân vườn, cây xanh; kế thừa hình thức kiến trúc truyền thống, sử dụng vật liệu và màu sắc hài hòa với cảnh quan vùng cao.

Vùng nông - lâm nghiệp và sinh thái cần hạn chế xây dựng công trình kiên cố; bảo vệ rừng, nương rẫy, ruộng bậc thang, suối, khe nước và địa hình tự nhiên.

Hành lang suối, hồ chứa nước và khu vực có nguy cơ thiên tai phải được bảo vệ nghiêm ngặt; không bố trí công trình gây ô nhiễm, chuồng trại tập trung hoặc xây dựng lấn chiếm hành lang thoát lũ.

Khu vực cửa khẩu, chợ phiên, chợ đêm và điểm du lịch cộng đồng cần tổ chức kiến trúc có bản sắc địa phương, mật độ xây dựng thấp, ưu tiên vật liệu bản địa, gắn với không gian văn hóa vùng cao biên giới.

Các khu khai thác tài nguyên, sản xuất tập trung và chế biến nông - lâm sản cần bố trí tách biệt khu dân cư; có khoảng cách ly cây xanh, kiểm soát ô nhiễm và thực hiện hoàn nguyên cảnh quan sau khai thác.

Định hướng chung là phát triển kiến trúc cảnh quan hài hòa với địa hình miền núi, bảo vệ cảnh quan núi rừng - suối - bản làng, giữ gìn bản sắc dân tộc và xây dựng hình ảnh xã biên giới xanh, an toàn, bền vững.

5.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a. Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

* Cao độ nền:

- Đối với khu vực hiện trạng đã xây dựng:

+ Khu vực xây dựng mật độ cao: Giữ nguyên cao độ sân, vườn hiện trạng; khi nâng cấp hoặc xây mới công trình tại vị trí cũ, cần nâng cao độ sàn phù hợp với hiện trạng, bảo đảm không gây ngập úng cục bộ.

+ Khu vực xây dựng với mật độ thấp: Tôn nền cục bộ khi cần thiết; việc xây dựng phải bảo đảm kết nối hài hòa về cao độ nền với khu vực xung quanh, không làm phát sinh ngập úng cục bộ.

- Đối với khu vực xây mới:

+ Khu vực xây dựng gần suối, khe tụ thủy: Tôn nền đến cao độ an toàn, đảm bảo khu đất xây dựng không bị ngập lụt, ảnh hưởng thiên tai như sạt lở đất đá, lũ quét, lũ ống.

+ Đối với các khu vực xây dựng trên sườn đồi núi: Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, chỉ san ủi cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Có giải pháp kè gia cố nền móng công trình, nền đường giao thông. Bố trí mương hờ đón nước mưa từ trên núi xuống để bảo đảm an toàn cho công trình.

* Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa bố trí dọc các tuyến giao thông bằng rãnh, mương và cống thoát nước; nước mưa thoát ra các suối, khe, kênh, mương tự nhiên theo từng lưu vực thoát nước.

- Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng đồng bộ với hệ thống giao thông, bảo đảm tiêu thoát nước nhanh, hạn chế ngập úng và tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Hướng thoát: trực tiếp ra các con suối chảy qua trên từng lưu vực thoát nước.

- Lưu vực: Hệ thống thoát nước mưa tuân thủ theo tiêu chuẩn quy định hiện hành, đảm bảo thoát nước mưa nhanh nhất tránh tình trạng ngập úng.

- Rãnh xây được bố trí tại các đường ngõ bản, ngõ xóm.

- Mương xây nắp đan bố trí tại các đường liên xóm, liên bản, liên xã.

- Mương hờ bố trí dọc đường các đoạn không qua khu dân cư.

- Công tác khác: Nạo vét khơi thông dòng chảy các mương tưới tiêu đảm bảo thoát lũ không gây ngập úng khu vực tại các đoạn đường ngõ xóm.

b. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

* Giao thông đối ngoại:

- Đường tỉnh 140: Tổng chiều dài đoạn tuyến kéo dài khoảng 56,5km. Quy mô tối thiểu cấp V.

- Đường tỉnh 140B: Tổng chiều dài tuyến khoảng 44km. Quy mô tối thiểu đường cấp V.

* Giao thông đối nội:

Mạng lưới đường giao thông trong khu vực được thiết kế đầu nối hợp lý giữa các tuyến đường được xây dựng mới và hệ thống các tuyến đường hiện trạng cải tạo thành một mạng lưới liên hoàn, đảm bảo sự liên kết giữa khu trung tâm xã với các bản và liên kết với đường giao thông đối ngoại đi qua khu vực.

- Đường xã:

+ Giai đoạn đến năm 2030: Nâng cấp, cải tạo, xây mới các tuyến đường tối thiểu đạt cấp B. Nền đường quy hoạch 5,0m, mặt đường 3,5m. Đối với các đoạn đi qua địa hình đặc biệt khó khăn, có thể phân kỳ xây dựng với nền đường 4,0m và mặt đường 3,0m.

+ Giai đoạn 2031 - 2045: Nâng cấp, cải tạo, xây mới các tuyến đường tối thiểu đạt cấp A. Nâng cấp nền đường lên 6,5m.

- Đường thôn, bản : Tập trung vào việc "cứng hóa" mặt đường bằng bê tông xi măng. Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tối thiểu đạt cấp C. Nền đường 4,0 (3,0)m và mặt đường 3,0 (2,0)m.

- Đường nội đồng: Nâng cấp, cải tạo, xây mới các tuyến giao thông nội đồng, lộ giới tối thiểu 2,0m, cứng hóa đến năm 2045 đạt 100%.

- Đường khu vực trung tâm xã:

Nâng cấp tuyến đường tỉnh 140, 140B đoạn qua trung tâm xã lộ giới tối thiểu 13,5m.

c. Định hướng phát triển hệ thống cấp điện

Nguồn điện cung cấp cho khu vực lập quy hoạch do nguồn của mạng lưới quốc gia cung cấp.

* Mạng lưới điện trung áp:

- Cải tạo mạng lưới điện trung áp hiện có theo lộ trình của ngành điện. Giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng các tuyến trung áp hiện có, sau khi đã duy tu bảo dưỡng. Giai đoạn dài hạn khi đã hình thành các khu chức năng sử dụng đất quy hoạch, cần có kế hoạch dịch chuyển và xây dựng mới các tuyến 35kV.

- Cấu trúc lưới trung áp theo mạng mạch vòng vận hành hở, đảm bảo cấp điện từ 1 nguồn khác nhau. Một số khu vực, miền núi, nông thôn có thể

vẫn thiết kế lưới hình tia. Tiết diện dây dẫn đường trục $\geq 95\text{mm}^2$. Tiết diện dây dẫn đường nhánh $\geq 70\text{mm}^2$.

* Trạm lưới: Các trạm biến áp hạ thế hiện có sẽ cải tạo, nâng công suất cho phù hợp với nhu cầu phụ tải tiêu thụ. Trong tương lai với sự mở rộng phát triển của xã cần phải đầu tư bổ sung xây dựng mới thêm các trạm biến áp hạ thế theo lộ trình phát triển phụ tải của xã.

* Lưới hạ thế, chiếu sáng:

- Lưới hạ thế 0,4kV:

+ Mạng lưới 0,4kV hiện có giữ nguyên và cải tạo các tuyến điện sinh hoạt đến từng hộ tiêu thụ.

+ Mạng lưới hạ áp mới xây dựng sẽ được đi cáp nổi ABC, tiết diện đảm bảo: từ $4 \times \text{ABC}-70 \div 4 \times \text{ABC}-120$. Đi trên cột bê tông ly tâm, các đoạn trùng với tuyến trung thế có thể đi chung cột.

+ Các tuyến 0,4kV có tiết diện bé sẽ cải tạo nâng cấp tiết diện đảm bảo cung cấp điện.

+ Kết cấu lưới hạ thế 0,4kV theo mạng hình tia.

- Lưới điện chiếu sáng:

+ Hoàn chỉnh mạng lưới chiếu sáng. Tất cả các trục đường có mặt cắt lớn hơn 4m đều được chiếu sáng.

+ Tại khu vực trung tâm xã lưới chiếu sáng dự kiến được bố trí đi ngầm, trục đường bản và các trục nhánh được cải tạo và nâng cấp, sử dụng cáp đi nổi chung cột với lưới hạ thế.

+ Các thiết bị chiếu sáng hiện đại tiết kiệm điện năng.

+ Lưới chiếu sáng đảm bảo độ rọi theo quy chuẩn quy định.

d. Định hướng quy hoạch cấp nước

* Nguồn nước: Khai thác nguồn nước mặt từ hồ chứa, hệ thống mố nước, suối dẫn về trạm xử lý, bể chứa.

* Công trình đầu mối:

- Duy trì, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn hiện trạng, nâng cấp công suất tại các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung tại các bản để đảm bảo cho nhu cầu sử dụng.

- Trạm xử lý nước sạch: Xây dựng trạm xử lý nước mặt, bể chứa tại khu vực hồ chứa. (Vị trí, công suất cụ thể xác định trong giai đoạn sau).

- Đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước nông thôn đảm bảo tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95%, trong đó 80% được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn.

* Mạng lưới cấp nước:

- Sử dụng mạng lưới kiểu hỗn hợp: Kết hợp mạng vòng và mạng cắt nhằm đảm bảo cho việc cấp nước được liên tục đầy đủ và giảm giá thành xây dựng.

- Dùng ống gang dẻo và ống HDPE để cấp nước cho khu vực nghiên cứu.

- Ống cấp nước được bố trí dưới vỉa hè với độ sâu chôn ống tính từ mặt đất tới đỉnh ống với đoạn ống có đường kính $\leq \varnothing 300$ độ sâu đặt ống $\geq 0,7\text{m}$.

- Hệ thống van khoá kỹ thuật được bố trí theo yêu cầu kỹ thuật và tại các nút giao cắt và điểm đầu nối.

e. Định hướng phát triển hệ thống thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

* Định hướng quy hoạch thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải dự kiến trong phạm vi lập quy hoạch là hệ thống thoát nước hỗn hợp gồm hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước mưa và nước thải cho khu trung tâm xã, thoát nước chung cho khu vực hiện trạng.

- Khu vực trung tâm xã: Nước thải được thu gom bằng mạng lưới cống và đưa về trạm xử lý nước thải. Đối với các bản còn lại: Nước thải của khu vực dân cư sẽ được thu gom theo hệ thống thoát nước thải hoặc xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại đúng tiêu chuẩn trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

- Nước thải các khu vực chăn nuôi: Các cơ sở, trang trại chăn nuôi tập trung phải thực hiện thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn chăn nuôi theo quy định, bảo đảm yêu cầu về vệ sinh môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

* Quản lý chất thải rắn:

- Khuyến khích và hướng dẫn Nhân dân phân loại chất thải rắn ngay tại nguồn. Chất thải rắn được thu gom và đưa về điểm tập kết CTR của bản, xã; sau đó vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn theo quy hoạch tỉnh tại KXL Mùong Báng, xã Tủa Chùa.

* Định hướng quy hoạch nghĩa trang:

- Giữ nguyên vị trí và diện tích các nghĩa trang hiện trạng tại các bản trên địa bàn toàn xã. Quy hoạch vành đai cây xanh cách ly xung quanh nghĩa trang tập trung, đảm bảo thoát nước và vệ sinh môi trường.

- Tổng diện tích đất nghĩa trang khoảng 13,4 ha.

- Các nghĩa trang không đảm bảo khoảng cách vệ sinh môi trường, tạm dừng tiếp nhận.

f. Định hướng phát triển hạ tầng viễn thông

- Phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông đồng bộ, hiện đại theo định hướng chung của tỉnh; ứng dụng công nghệ truyền dẫn tiên tiến, phục vụ

chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của Nhân dân.

6. Các nội dung về tổ chức thực hiện

- UBND xã Sính Phình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch; thực hiện đóng dấu thẩm định, lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành, thực hiện công bố công khai đồ án quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch; xác định lộ trình, nguồn lực và các danh mục ưu tiên đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch; quản lý xây dựng, quản lý sử dụng đất, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc xây dựng theo quy hoạch; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch theo quy định hiện hành.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh bất cập, UBND xã Sính Phình tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh theo quy định.

Hồ sơ quy hoạch được đăng tải tại địa chỉ:

<https://drive.google.com/drive/folders/1ifzp3YHaYkaFyJAnUAiLYbBxoEqBTXLS?usp=sharing%20>

Trên đây là Tờ trình thẩm định quy hoạch chung xã Sính Phình, tỉnh Điện Biên đến năm 2045. UBND xã Sính Phình trình Sở Xây dựng xem xét, thẩm định theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Như Kính gửi
- TT. Đảng ủy xã (b/c)
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Đức Biều